UBND ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 363a /HCC-KSTT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu Phú Quốc)

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
*****	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**			**352**	**11**	**388**	**11**	187	212
I	**VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND ĐẶC KHU**			**59**	**11**	**60**	**11**		
1	**Bồi thường nhà nước**			**1**	**0**	**1**	**0**	o	1
1	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	1054/QĐ-UBND	x		x			x
2	**Chứng thực**			**12**	**0**	**12**	**0**	0	12
2	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	1852/QĐ-UBND	x		x			x
3	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	1852/QĐ-UBND	x		x			x
4	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1852/QĐ-UBND	x		x			x
5	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	1852/QĐ-UBND	x		x			x
6	2.001019	Chứng thực di chúc	1852/QĐ-UBND	x		x			x
7	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1852/QĐ-UBND	x		x			x
8	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	1852/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
9	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	1852/QĐ-UBND	x		x			x
10	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	1852/QĐ-UBND	x		x			x
11	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	1852/QĐ-UBND	x		x			x
12	2,000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	1852/QĐ-UBND	x		x			x
13	2.000908	Cấp bản sao từ sổ gốc	1852/QĐ-UBND	x		x			x
3	**Giải quyết khiếu nại**				**1**		**1**	0	1
14	2.002409	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2147/ QĐ-UBND		x		x		x
4	**Giải quyết tố cáo**				**1**		**1**	0	1
15	2.002396	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	2709/QĐ-UBND		x		x		x
5	**Hộ tịch**			**36**	**3**	**36**	**3**	29	10
16	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
17	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
18	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
19	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
20	2.000554	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
21	2.002189	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
22	2.000547	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
23	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
24	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
25	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
26	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x			x
27	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
28	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x			x
29	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
30	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
31	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x			x
32	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
33	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	1050/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
34	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
35	1.005461	Đăng ký lại khai tử	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
36	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	1050/QĐ-UBND	x		x			x
37	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
38	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
39	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
40	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
41	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
42	1.004837	Đăng ký giám hộ	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
43	1.004827	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
44	1.000080	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
45	1.000094	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	x		x			x
46	1.000110	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
47	1.000656	Đăng ký khai tử	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
48	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1050/QĐ-UBND	x		x			x
49	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
50	1.000894	Đăng ký kết hôn	1050/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
51	1.001193	Đăng ký khai sinh	1050/QĐ-UBND	x		x		x	
52	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	1050/QĐ-UBND		x		x		x
53	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	1050/QĐ-UBND		x		x		x
54	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	1050/QĐ-UBND		x		x		x
6	**Hòa giải cơ sở**			**5**	**0**	**5**	**0**	5	0
55	1.002211	Công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1056/QĐ-UBND	x		x		x	
56	2.000950	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	1056/QĐ-UBND	x		x		x	
57	2.002080	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	540/QĐ-UBND	x		x		x	
58	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	1056/QĐ-UBND	x		x		x	
59	2.000930	Thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	540/QĐ-UBND	x		x		x	
7	**Nuôi con nuôi**			**5**	**0**	**6**	**0**	3	3
60	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1064/QĐ-UBND	x		x		x	
61	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	1064/QĐ-UBND	x		x		x	
62	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1064/QĐ-UBND	x		x		x	
63	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	1064/QĐ-UBND	x		x			x
64	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1064/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
65	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	83/QĐ-UBND			x			x
8	**Phòng, chống tham nhũng**			**0**	**4**	**0**	**4**	0	4
66	2.002400	Kê khai tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND		x		x		x
67	2.002401	Xác minh tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND		x		x		x
68	2.002402	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	582/QĐ-UBND		x		x		x
69	2.002403	Thực hiện việc giải trình	582/QĐ-UBND		x		x		x
9	**Tiếp công dân**			**0**	**1**	**0**	**1**	0	1
70	1.010945	Tiếp công dân tại cấp xã	1182/QĐ-UBND		x		x		x
10	**Xử lý đơn thư**			**0**	**1**	**0**	**1**	0	1
71	2.002501	Xử lý đơn tại cấp xã	1182/QĐ-UBND		x		x		x
II	**PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**			**148**	**0**	**154**	**0**		
11	**Bảo trợ xã hội**			**10**		**9**		1	8
72	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	218/QĐ-UBND	x		x			x
73	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	218/QĐ-UBND	x		x			x
74	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	1189/QĐ-UBND	x		x			x
75	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	1189/QĐ-UBND	x		x			x
76	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	1189/QĐ-UBND	x		x			x
77	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
78	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1189/QĐ-UBND	x		x			x
79	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	528/QĐ-UBND.	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
80	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	528/QĐ-UBND.	x		x			x
12	**Các cơ sở giáo dục khác**			**2**		**2**		0	2
82	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1052/QĐ-UBND	x		x			x
83	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học	1052/QĐ-UBND	x		x			x
13	**Công chức, viên chức**			**6**		**6**		0	6
84	1.014113	Xét tuyển công chức	276 /QĐ-UBND	x		x			x
85	1.014116	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	276 /QĐ-UBND	x		x			x
86	1.014111	Thi tuyển công chức	276 /QĐ-UBND	x		x			x
87	1.012300	Xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	436/QĐ-UBND	x		x			x
88	1.012301	Tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	436/QĐ-UBND	x		x			x
89	1.012299	Thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	436/QĐ-UBND	x		x			x
14	**Công tác dân tộc**			**2**		**2**		0	2
90	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	266/QĐ-UBND.	x		x			x
91	1.012222	Công nhận người có uy tín	266/QĐ-UBND.	x		x			x
15	**Di sản văn hóa**			**2**		**2**		2	0

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
92	1.014312	Thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1751/QĐ-UBND	x		x		x	
93	1.014310	Hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1751/QĐ-UBND	x		x		x	
16	**Gia đình**			**2**		**2**		0	2
94	1.012085	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	1972/QĐ-UBND	x		x			x
95	1.012084	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1972/QĐ-UBND	x		x			x
17	**Giáo dục mầm non**			**10**		**8**		0	8
96	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1052/QĐ-UBND	x		x			x
97	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1052/QĐ-UBND	x		x			x
99	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1052/QĐ-UBND	x		x			x
100	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1052/QĐ-UBND	x		x			x
101	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1052/QĐ-UBND	x		x			x
102	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1052/QĐ-UBND	x		x			x
104	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1052/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
105	1.014996	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1052/QĐ-UBND	x		x			x
18	**Giáo dục nghề nghiệp**			**2**		**2**		0	2
106	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	1211/QĐ-UBND	x		x			x
107	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	1211/QĐ-UBND	x		x			x
19	**Giáo dục thường xuyên**			**3**		**3**		0	3
109	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1052/QĐ-UBND	x		x			x
110	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1052/QĐ-UBND	x		x			x
111	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1052/QĐ-UBND	x		x			x
20	**Giáo dục tiểu học**			**5**		**4**		0	4
112	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1052/QĐ-UBND	x		x			x
114	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1052/QĐ-UBND	x		x			x
115	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1052/QĐ-UBND	x		x			x
116	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1052/QĐ-UBND	x		x			x
21	**Giáo dục trung học**			**9**		**6**		0	6

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
118	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1052/QĐ-UBND	x		x			x
119	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1052/QĐ-UBND	x		x			x
120	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1052/QĐ-UBND	x		x			x
121	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1052/QĐ-UBND	x		x			x
122	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	1210/QĐ-UBND	x		x			x
123	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1052/QĐ-UBND	x		x			x
22	**Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**			**11**		**11**		5	6
124	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	752/QĐ-UBND	x		x			x
125	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	752/QĐ-UBND	x		x			x
126	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	2759/QĐ-UBND	x		x		x	
127	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	581/QĐ-UBND	x		x		x	
128	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1211/QĐ-UBND	x		x			x
129	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1211/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
130	1.014997	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	1500/QĐ-UBND	x		x			x
131	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1210/QĐ-UBND	x		x		x	
132	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1211/QĐ-UBND	x		x			x
133	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	581/QĐ-UBND	x		x		x	
134	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	581/QĐ-UBND	x		x		x	
23	**Kiểm định chất lượng giáo dục**			**3**		**3**		0	3
135	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1211/QĐ-UBND	x		x			x
136	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1211/QĐ-UBND	x		x			x
137	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1211/QĐ-UBND	x		x			x
24	**Người có công**			**37**		**39**		23	16
138	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1550/QĐ-UBND	x		x			x
139	1.010772	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	1173/QĐ-UBND	x		x			x
140	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1173/QĐ-UBND	x		x			x
141	1.010777	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	1173/QĐ-UBND	x		x			x
142	1.010781	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1173/QĐ-UBND	x		x			x
143	1.010774	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1173/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
144	1.010778	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	1173/QĐ-UBND	x		x			x
145	1.010775	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	1173/QĐ-UBND	x		x			x
146	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
147	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1173/QĐ-UBND	x		x			x
x	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	611/QĐ-UBND	x		x		x	
149	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
150	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1126/QĐ-UBND	x		x		x	
151	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
152	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
153	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
154	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1173/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
155	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
156	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
157	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1126/QĐ-UBND	x		x		x	
158	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1173/QĐ-UBND	x		x			x
159	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
160	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	611/QĐ-UBND	x		x		x	
161	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
162	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
163	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	611/QĐ-UBND	x		x			x
164	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	611/QĐ-UBND	x		x		x	
165	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1173/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
166	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
167	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	611/QĐ-UBND	x		x		x	
168	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	611/QĐ-UBND	x		x		x	
169	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	34/QĐ-UBND	x		x			x
170	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1126/QĐ-UBND	x		x		x	
171	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
172	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1173/QĐ-UBND	x		x			x
173	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1173/QĐ-UBND	x		x		x	
174	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1126/QĐ-UBND	x		x			x
175	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	2579/QĐ-UBND			x		x	
176	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	2579/QĐ-UBND			x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
25	**Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử**			**3**		**3**		3	0
177	1.013794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	x		x		x	
178	1.013793	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	x		x		x	
179	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1074/QĐ-UBND	x		x		x	
26	**Phòng, chống tệ nạn xã hội**			**4**		**4**		0	4
180	1.010940	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	x		x			x
181	1.010939	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	x		x			x
182	1.010938	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	x		x			x
183	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	218/QĐ-UBND	x		x			x
27	**Quản lý lao động ngoài nước**			**1**		**1**		1	0
184	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	1069/QĐ-UBND	x		x		x	
28	**Quản lý nhà nước về hội, quỹ**			**8**		**14**		4	10
185	1.013706	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1067/QĐ-UBND	x		x			x
186	1.013703	Thành lập hội	1067/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
187	1.013710	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1067/QĐ-UBND	x		x			x
188	1.013708	Hội tự giải thể	1067/QĐ-UBND	x		x			x
189	1.013702	Công nhận ban vận động thành lập hội	1067/QĐ-UBND	x		x			x
190	1.013709	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1067/QĐ-UBND	x		x			x
191	1.013707	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1067/QĐ-UBND	x		x			x
192	1.013704	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1067/QĐ-UBND	x		x			x
193	1.014942	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	918/QĐ-UBND			x		x	
194	1.014943	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	918/QĐ-UBND			x		x	
195	1.014944	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	918/QĐ-UBND			x			x
196	1.014945	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	918/QĐ-UBND			x			x
197	1.014946	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	918/QĐ-UBND			x		x	
198	1.014947	Quỹ tự giải thể	918/QĐ-UBND			x		x	
29	**Thể dục thể thao**			**1**		**1**		0	1
199	2.000794	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	1972/QĐ-UBND	x		x			x
30	**Thi đua - khen thưởng**			**3**		**3**		0	3
200	1.014150	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	480/QĐ-UBND	x		x			x
201	1.014149	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	480/QĐ-UBND	x		x			x
202	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	1248/QĐ-UBND	x		x			x
31	**Thi, tuyển sinh**			**1**		**1**		1	0

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
203	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1210/QĐ-UBND	x		x		x	
32	**Tín ngưỡng, tôn giáo**			**9**		**9**		0	9
204	1.013796	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	266/QĐ-UBND.	x		x			x
205	1.013797	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	266/QĐ-UBND.	x		x			x
206	1.013798	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	266/QĐ-UBND.	x		x			x
207	1.012584	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	266/QĐ-UBND.	x		x			x
208	1.012582	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	266/QĐ-UBND.	x		x			x
209	1.012585	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	266/QĐ-UBND.	x		x			x
210	1.012590	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	266/QĐ-UBND.	x		x			x
211	1.012592	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	266/QĐ-UBND.	x		x			x
212	1.012591	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	266/QĐ-UBND.	x		x			x
33	**Trẻ em**			**6**		**6**		6	0

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
213	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
214	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
215	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
216	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
217	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
218	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	1189/QĐ-UBND	x		x		x	
34	**Văn hóa**			**2**		**3**		3	0
219	1.013791	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1074/QĐ-UBND	x		x		x	
220	1.003622	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1972/QĐ-UBND	x		x		x	
221	1.001029	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	2230/QĐ-UBND			x		x	
35	**Đào tạo nghề**			**0**		**1**		1	0

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
222	2.002821	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	221/QĐ-UBND			x		x	
36	**Chính sách**			**4**		**4**		0	4
223	1.012538	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1480/QĐ-UBND	x		x			x
224	1.012537	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1480/QĐ-UBND	x		x			x
225	2.002755	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối	1885/QĐ-UBND	x		x			x
226	2.002757	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày	1885/QĐ-UBND	x		x			x
37	**Phòng cháy, chữa cháy**			**2**		**0**			
37	**Lao động**			**1**		**1**		0	1
227	1.014352	Tuyển chọn chuyên gia	1347/QĐ-UBND	x		x			x
38	**Xuất bản, in và phát hành**			**0**		**3**		3	0

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
228	3.000576	Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	2640/QĐ-UBND			x		x	
229	3.000569	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	2640/QĐ-UBND			x		x	
230	3.000570	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	2640/QĐ-UBND			x		x	
39	**An toàn thực phẩm**			**0**		**1**		0	1
231	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	3161/QĐ-UBND			X			x
III	**PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ**			**70**		**71**			
40	**Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**			**1**		**1**		0	1
232	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	1234/QĐ-UBND	x		x			x
41	**Đường bộ**			**4**		**4**		4	0
233	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1051/QĐ-UBND	x		x		x	
234	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1091/QĐ-UBND	x		x		x	
235	1.000314	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1051/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
236	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	1051/QĐ-UBND	x		x		x	
42	**Hàng hải và đường thủy nội địa**			**24**		**22**		21	1
237	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
238	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
239	1.115950	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thôngCông bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	3958/QĐ-UBND	x		x		x	
240	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
241	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
242	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
243	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
244	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
245	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1053/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
246	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
247	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
248	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	1053/QĐ-UBND	x		x		x	
249	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
250	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
251	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
252	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
253	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
254	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	1093/QĐ-UBND	x		x			x
255	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1093/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
256	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
257	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1093/QĐ-UBND	x		x		x	
258	1,002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	3220/QĐ-UBND			x		x	
43	**Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**			**1**		**1**		1	0
259	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
44	**Hoạt động xây dựng**			**8**		**7**		6	1
260	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	3471/QĐ-UBND	x		x			x
261	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô	3471/QĐ-UBND	x		x		x	
262	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai	3471/QĐ-UBND	x		x		x	
263	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho	3471/QĐ-UBND	x		x		x	
264	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình	3471/QĐ-UBND	x		x		x	
265	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình	3471/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
266	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công	3471/QĐ-UBND	x		x		x	
45	**Nhà ở và công sở**			**1**		**2**		2	0
267	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1094/QĐ-UBND	x		x		x	
268	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	236/QĐ-UBND			x		x	
46	**Quy hoạch đô thị và nông thôn**			**5**		**5**		4	1
269	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	860/QĐ-UBND	x		x		x	
270	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	x		x		x	
271	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	x		x		x	
272	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	x		x			x
273	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	860/QĐ-UBND	x		x		x	
47	**Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý**			**2**		**2**		0	2

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
274	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1072/QĐ-UBND	x		x			x
275	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1072/QĐ-UBND	x		x			x
48	**Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký**			**2**		**2**		0	2
276	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	.1059/QĐ-UBND	x		x			x
277	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	.1059/QĐ-UBND	x		x			x
49	**Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**			**21**		**21**		21	0
278	1.014371	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	1707/QĐ-UBND	x		x		x	
279	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2643/QĐ-UBND	x		x		x	
280	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
281	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
282	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác, đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
283	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2643/QĐ-UBND	x		x		x	
284	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
285	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất	2643/QĐ-UBND	x		x		x	
286	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
287	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2643/QĐ-UBND	x		x		x	
288	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
289	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
290	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
291	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
292	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
293	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
294	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
295	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
296	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
297	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2643/QĐ-UBND	x		x		x	
298	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	.1059/QĐ-UBND	x		x		x	
50	**Phòng cháy, chữa cháy**			**1**		**1**		0	1
299	3.000494	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	407/QĐ-UBND	x		x			x
51	**Hạ tầng kỹ thuật**			**1**		**1**		1	0
300	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1798/QĐ-UBND			X		x	
52	**Điện lực**					**1**		1	0
301		Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	3151/QĐ-UBND			X		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
53	**Quản lý chất lượng công trình xây dựng**					1		1	0
302	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	3485/QĐ-UBND			x		x	
IV	**PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**			**62**		**83**	**0**		
54	**Biển và hải đảo**			**5**		**4**		0	4
303	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	x		x			x
304	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	x		x			x
306	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	x		x			x
307	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1123/QĐ-UBND.	x		x			x
55	**Chăn nuôi**			**2**		**2**		0	2
308	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối	1122/QĐ-UBND	x		x			x
309	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia	1122/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
56	**Đất đai**			**17**		**18**		0	18
310	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		**x**		**x**			x
311		Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	3826/QĐ-UBND	**x**		**x**			x
312	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	3826/QĐ-UBND	**x**		**x**			x
313		Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận	3826/QĐ-UBND	**x**		**x**			x
314		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai và có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở; xác định diện tích đất ở đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP	3826/QĐ-UBND	**x**		**x**			x
315		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận; Trường hợp hộ gia đình cá nhân đãđược cấp GCN phần diện tích còn lại chưa đủ điều kiện cấp GCN theo quy định của pháp luật tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận mà	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
316		Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
317		Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
318		Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
319		Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
320		Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
321		Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với cá nhân, tổ chức thuộc các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đối với cá nhân và tổ chức thuộc các trường hợp được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc trường hợp dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đấthoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thờ gian thuê; cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
322		Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
323		Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
324		Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
325		Trình tự thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật số 31/2024/QH15	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
326		Trình tự thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật số 31/2024/QH15	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
327		Trình tự thủ tục thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật số 31/2024/QH15	3826/QĐ-UBND	x		**x**			x
57	**Địa chất và khoáng sản**			**2**		**2**		0	2
328	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1171/QĐ-UBND	x		x			x
329	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	1171/QĐ-UBND	x		x			x
58	**Giảm nghèo**			**5**		**5**		0	5
330	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	643/QĐ-UBND	x		x			x
331	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	643/QĐ-UBND	x		x			x
332	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	643/QĐ-UBND	x		x			x
333	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1119/QĐ-UBND	x		x			x
334	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	643/QĐ-UBND	x		x			x
59	**Kiểm lâm**			**2**		**2**			2
335	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	750/QĐ-UBND	x		x			x
336	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1118/QĐ-UBND	x		x			x
60	**Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn**			**1**		**2**		0	2

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
337	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	1117/QĐ-UBND	x		x			x
338	3.000611	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	3592-UBND			x			x
61	**Lâm nghiệp**			**6**		**7**		0	7
339	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	413/QĐ-UBND	x		x			x
340	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	413/QĐ-UBND	x		x			x
341	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	413/QĐ-UBND	x		x			x
342	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	1118/QĐ-UBND	x		x			x
343	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	413/QĐ-UBND	x		x			x
344	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	1118/QĐ-UBND	x		x			x
345	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	795/QĐ-UBND			x			x
62	**Môi trường**			**1**		**1**		1	0
346	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (1.010736)	633/QĐ-UBND	x		x		x	
63	**Nông nghiệp**			**1**		**1**		1	0
347	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	896/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
64	**Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai**			**2**		**2**		2	0
348	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1114/QĐ-UBND	x		x		x	
349	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1114/QĐ-UBND	x		x		x	
65	**Tài nguyên nước**			**1**		**1**		1	0
350	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1113/QĐ-UBND	x		x		x	
66	**Thú y**			**1**		**1**		0	1
351	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	1212/QĐ-UBND	x		x			x
67	**Thủy lợi**			**6**		**17**		13	4
352	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	1112/QĐ-UBND	x		x		x	
353	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	632/QĐ-UBND	x		x		x	
x	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	632/QĐ-UBND	x		x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
355	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1112/QĐ-UBND	x		x		x	
356	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	1112/QĐ-UBND	x		x		x	
357	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	632/QĐ-UBND	x		x		x	
358	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x		x	
359	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do	881/QĐ-UBND			x		x	
360	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x		x	
361	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x		x	
362	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x			x
363	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x		x	

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
364	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x		x	
365	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x			x
366	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x		x	
367	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x			x
368	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xâydựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	881/QĐ-UBND			x			x
68	**Thủy sản**			**3**		**6**		2	4
369	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	1111/QĐ-UBND	x		x		x	
370	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1111/QĐ-UBND	x		x			x
371	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1111/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
372	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	710/QĐ-UBND			x			x
373	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	710/QĐ-UBND			x			x
374	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	838/QĐ-UBND			x		x	
69	**Trồng trọt**			**1**		**1**		1	0
375	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	667/QĐ-UBND	x		x		x	
70	**Ứng phó sự cố tràn dầu**			**1**		**1**		0	1
376	1.013128	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông trên biển và các cơ sở dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50m3)	1252/QĐ-UBND 794/QĐ UBND 06/03/2025	x		x			x
71	**Bảo hiểm**			**1**		**1**		0	1
377	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	411/QĐ-UBND	x		x			x
72	**Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước**			**1**		**1**		0	1
378	1.013040	Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1061/QĐ-UBND	x		x			x
73	**Tài chính đất đai**			**3**		**4**		0	4
379	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	1770/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
380	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1061/QĐ-UBND	x		x			x
381	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	1770/QĐ-UBND	x		x			x
382	1.115148	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	2217/QĐ-UBND			x			x
74	**Lĩnh vực tàu cá**			**0**		**4**	**0**	4	0
383	1.003681	Xóa chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	305/QĐ-UBND			x		x	
384	1.003650	Cấp chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	305/QĐ-UBND			x		x	
385	1.003634	Cấp lại chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	305/QĐ-UBND			x		x	
386	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	305/QĐ-UBND			x		x	
V	**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**			**8**		**13**	**0**		
75	**Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)**			**7**		**7**		7	0
387	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
388	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
389	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
390	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
391	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
392	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
393	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	263./QĐ-UBND	x		x		x	
76	**Quản lý công sản**			**1**		**3**	**0**	1	2

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
394	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	1061/QĐ-UBND	x		x			x
395	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước				x		x	
396	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật				x			x
77	**Lĩnh vực Thuế**					3		2	1
397	3,000251	Thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp				x			x
398	3,000252	Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên				x		x	
399	3,000255	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường danh cho giao thông công cộng				x		x	
III	**TRUNG TÂM Y TẾ**			**1**		**1**			
78	**Lĩnh vực Bảo hiểm Y tế**			1		1		0	1
400	1.014193	Khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	636/QĐ-UBND	x		x			x
IV	**CÔNG AN**			**3**		**5**			
79	**Đăng ký, quản lý cư trú**			2		2		0	2
401	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	2311/QĐ-UBND	x		x			x
402	1.013313	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	2311/QĐ-UBND	x		x			x

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
80	**Tổ chức cai nghiên ma túy và quản lý sau cai nghiện**			1		1		0	1
403	3.000527	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1474/QĐ-UBND	x		x			x
81	**Phòng cháy, chữa cháy**					2		0	2
404	1.115394	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	3610/QĐ-UBND						x
405	1.115395	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	3610/QĐ-UBND						x
*	**CHƯA XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CƠ QUAN thực hiện**			**1**		**1**		0	1
406	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1272/QĐ-UBND	x		x			x
*	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**			**13**		**14**			
I	**CHI NHÁNH VP ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**			**13**		**14**			
1	**Đất đai**			**13**		**14**			
1	1,013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng	3826/QĐ-UBND	X					
2	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	3826/QĐ-UBND	X					
3	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	3826/QĐ-UBND	X					
4	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	3826/QĐ-UBND	X					

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
5	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	3826/QĐ-UBND	X					
6	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm, bán tài sản	3826/QĐ-UBND	X					
7	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự	3826/QĐ-UBND	X					
8	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	3826/QĐ-UBND	X					
9	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	3826/QĐ-UBND	X					
10	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	3826/QĐ-UBND	X					
11	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	3826/QĐ-UBND	X					
12	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	3826/QĐ-UBND	X					
13	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3826/QĐ-UBND	X					

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
14	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận	3826/QĐ-UBND	X					
*	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH DỌC**			**24**		24			
I	**BẢO HIỂM XÃ HỘI**			**24**		24			
1	BXH-250297	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
2	BXH-25096	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
3	BXH-250295	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
4	BXH-1002759	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
5	BXH-1001667	Giải quyết hưởng chế độ ốm đâu	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
6	BXH-2000693	Giải quyết hưởng chế độ thai sản	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
7	BXH-1001598	Giải quyết hưởng trợ cấp DSPHSK sau ốm đau, thai sản, TNLĐ, BNN	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
8	BXH-1001632	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp bị TNLĐ lần đầu	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
9	BXH-1001521	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN do thương tật, bệnh tật tái phát	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
10	BXH-1001643	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp đã bị TNLĐ, BNN, nay tiếp tục bị TNLĐ hoặc BNN	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
11	BXH-2000821	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
12	BXH-1001613	Giải quyết hưởng BHXH một lần	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
13	BXH-2000605	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
14	BXH-2000755	Giải quyết hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng ra nước ngoài để định cư và công dân nước ngoài đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng không còn cư trú ở Việt Nam.	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
15	BXH-2000809	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích.	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
16	BXH-1001742	Giải quyết chuyển hưởng sang địa bàn khác đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
17	BXH-1001710	Giải quyết điều chỉnh, hủy quyết định, chấm dứt hưởng BHXH	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
18	BXH-1001646	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo nghị định số 14/2020/NĐ-CP	Số 186/QĐ-BHXH 24/01//2025	x					
19	BXH-1001798	Ký hợp đồng khám, chữa bệnh BHYT	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
20	BXH-1001909	Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT với cơ sở khám, chữa bệnh BHYT	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
21	BXH-1001656	Thanh toán trực tiếp chi phí khám, chữa bệnh BHYT	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
22	BXH-2000740	Người hưởng lĩnh chế độ BHXH bằng tiền mặt chuyển sang lĩnh bằng tài khoản cá nhân và ngược lại, hoặc thay đổi thông tin cá nhân	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
23	BXH-1001601	Ủy quyền lĩnh thay các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần
24	BXH-2000717	Truy lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH của người đã chết nhưng còn chế độ chưa nhận	Số 222/QĐ-BHXH 25/02//2021	x					
D	**NHÓM TTHC LIÊN THÔNG**		**3**			3			
1		Liên thông điện tử: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế, cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi	3960/QĐ-UBND						
2	2,002622	Liên thông điện tử: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	3960/QĐ-UBND						
3		Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh - Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke							

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần

STT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/TTHC	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	TT.HCC (QĐ 2442:TTHC)		TT.HCC (Thực tế: TTHC)		Mức độ cung cấp DVCTT	
				Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Tiếp nhận	Không tiếp nhận	Toàn trình	Một phần